

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 - VINACONEX 15

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 - VINACONEX 15

53 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền
Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Doanh Yên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Thiết	Ủy viên
Ông Hoàng Trung Kiên	Ủy viên
Ông Trương Hải Triều	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Cường	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 14/5/2014)
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 14/5/2014)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Thao	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18/10/2014)
Ông Trương Hải Triều	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/10/2014)
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Thanh Bình	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Hữu	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Sơn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính,




Nguyễn Xuân Thao
Giám đốc


Lê Doanh Yên
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2015

Số: 1247 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày tháng năm 2015, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2014, Công ty tiếp tục phát sinh lỗ từ hoạt động kinh doanh, lỗ phát sinh trong năm 2014 là 29.128.176.341 VND (năm 2013: 60.655.856.450 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, lỗ lũy kế là 97.538.758.926 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 68.410.582.585 VND) trên vốn cổ phần là 100.000.000.000 VND. Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khoản vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn, số dư các khoản vay và phải trả quá hạn chưa được thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 114.000.229.658 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 110.264.976.010 VND); các khoản nợ thuế đã ghi nhận trên báo cáo tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 45.444.316.387 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 46.523.556.003 VND) cũng như các khoản nợ và phạt thuế phải nộp bổ sung như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 chưa được hạch toán, ghi nhận các khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với tổng số tiền khoảng 55 tỷ đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty chưa thực hiện lập kế hoạch kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm 2015. Điều này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai cũng như hỗ trợ từ các cổ đông. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về kế hoạch kinh doanh, kế hoạch dòng tiền trong năm 2015 cũng như các bằng chứng cho thấy khả năng trả nợ của Công ty cho các khoản nợ đến hạn và đã quá hạn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư các khoản khoản phải thu khách hàng tồn đọng trên 1 năm với giá trị ghi sổ là 109 tỷ VND (tại 31 tháng 12 năm 2013: 113 tỷ VND). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng này với tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 1,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1,6 tỷ VND). Hiện tại, Công ty đang trong quá trình đánh giá để có thể xác định liệu có hay không cần phải trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản phải thu khách hàng chưa được trích lập dự phòng đầy đủ với tổng giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 107,4 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng về giá trị có thể thu hồi đối với số dư các khoản phải thu khách hàng này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập bổ sung. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng chưa được trích lập dự phòng với tổng giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 107,4 tỷ VND nêu trên hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 7 và số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư các khoản phải thu khác và các khoản tạm ứng tồn đọng trên 1 năm với giá trị ghi sổ lần lượt là 32,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 37,6 tỷ VND) và 62,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 62,8 tỷ VND). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khác và các khoản tạm ứng này với số dư dự phòng đã trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 23,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21,8 tỷ VND) và 39,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 30,5 tỷ VND). Hiện tại, Công ty đang trong quá trình đánh giá để có thể xác định liệu có hay không cần phải trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản phải thu khác và tạm ứng chưa được trích lập dự phòng đầy đủ với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 9,3 tỷ VND và 23 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng về giá trị có thể thu hồi đối với số dư các khoản phải thu khác và tạm ứng này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khác và tạm ứng chưa được trích lập dự phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 9,3 tỷ VND và 23 tỷ VND hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư các công trình dở dang tồn đọng trên 1 năm, có thể do chậm nghiệm thu, chậm quyết toán hoặc đã dừng thi công, có giá trị khoảng 95,2 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 95,8 tỷ VND). Ngoài ra, giá trị còn lại của một số công trình có số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lớn hơn giá trị hợp đồng còn lại với tổng số tiền lớn hơn là 31,6 tỷ VND. Hiện tại, Công ty đang trong quá trình đánh giá để có thể xác định liệu có hay không cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với các công trình này. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng về giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình dở dang này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các công trình dở dang đang được phản ánh trên khoản mục Hàng tồn kho với tổng giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 95,2 tỷ VND hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa thực hiện ghi nhận khoản thuế và các khoản phạt phải nộp theo các Thông báo của các cơ quan thuế với tổng số tiền khoảng 55 tỷ VND khi lập báo cáo tài chính kèm theo. Theo đó, nếu ghi nhận theo đúng quy định hiện hành, thì khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, Lỗi lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ tăng với số tiền là 55 tỷ VND và Lỗi thuần cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ tăng thêm với số tiền khoảng 55 tỷ VND.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 05 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Nam Phong

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0929-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		243.898.287.740	261.888.300.573
I. Tiền	110	5	2.307.711.655	321.477.374
1. Tiền	111		2.307.711.655	321.477.374
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.281.324.419	101.473.303.895
1. Phải thu khách hàng	131	6	108.999.062.810	112.890.045.873
2. Trả trước cho người bán	132		2.479.162.246	2.253.300.667
3. Các khoản phải thu khác	135	7	35.398.076.207	40.402.737.315
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(64.594.976.844)	(54.072.779.960)
III. Hàng tồn kho	140	8	96.296.413.331	95.865.293.299
1. Hàng tồn kho	141		96.296.413.331	95.865.293.299
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		63.012.838.335	64.228.226.005
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		33.554.000	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.099.939.103
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	62.979.284.335	63.128.286.902
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		10.836.677.831	13.351.365.333
I. Tài sản cố định	220		10.783.060.593	13.247.693.132
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	10.783.060.593	13.247.693.132
- Nguyên giá	222		40.716.516.162	40.716.516.162
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.933.455.569)	(27.468.823.030)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	4.250.000.000	4.250.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.250.000.000)	(4.250.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		53.617.238	103.672.201
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	53.617.238	103.672.201
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		254.734.965.571	275.239.665.906

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		231.328.872.919	222.705.396.913
I. Nợ ngắn hạn	310		231.328.872.919	218.014.396.913
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	98.930.898.717	95.511.898.717
2. Phải trả người bán	312		15.069.330.941	14.753.077.293
3. Người mua trả tiền trước	313		8.833.438.466	8.774.510.038
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	45.444.316.387	46.523.556.003
5. Phải trả người lao động	315		10.529.658.654	10.478.345.310
6. Chi phí phải trả	316	15	39.059.971.884	23.808.310.554
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	13.043.807.937	17.747.249.065
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		417.449.933	417.449.933
II. Nợ dài hạn	330		-	4.691.000.000
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	-	4.691.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		23.406.092.652	52.534.268.993
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	23.406.092.652	52.534.268.993
1. Vốn cổ phần	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.088.870.000	5.088.870.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.795.123.070	12.795.123.070
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.852.658.323	2.852.658.323
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		208.200.185	208.200.185
6. Lỗi lũy kế	420		(97.538.758.926)	(68.410.582.585)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		254.734.965.571	275.239.665.906


Phạm Tiến Thành
Người lập biểu

Bùi Sỹ Ân
Kế toán trưởngNguyễn Xuân Thao
Giám đốc

Ngày 25 tháng 05 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	764.979.736	2.039.608.579
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		764.979.736	2.039.608.579
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	-	9.902.216.097
5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		764.979.736	(7.862.607.518)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	7.871.130	14.972.339.617
7. Chi phí tài chính	22		14.762.477.430	20.628.926.933
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.762.477.430	16.378.926.933
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.050.681.443	47.189.661.616
9. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-25)	30		(29.040.308.007)	(60.708.856.450)
10. Thu nhập khác	31		-	53.000.000
11. Chi phí khác	32		87.868.334	-
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(87.868.334)	53.000.000
13. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(29.128.176.341)	(60.655.856.450)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	24	-	-
15. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(29.128.176.341)	(60.655.856.450)
16. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(2.913)	(6.066)



Phạm Tiến Thành
Người lập biểu

Bùi Sỹ Ân
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thao
Giám đốc

Ngày 25 tháng 05 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(29.128.176.341)	(60.655.856.450)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.464.632.539	2.608.672.297
Các khoản dự phòng	03	10.522.196.884	45.410.256.997
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(7.871.130)	(15.025.339.617)
Chi phí lãi vay	06	14.762.477.430	16.378.926.933
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.386.740.618)	(11.283.339.840)
Thay đổi các khoản phải thu	09	9.926.595.392	30.411.933.798
Thay đổi hàng tồn kho	10	(431.120.032)	(6.801.679.756)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.707.001.424)	3.922.652.028
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	16.500.963	154.113.941
Tiền lãi vay đã trả	13	(60.000.000)	(2.897.861.149)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(100.000.000)	(32.711.757)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.254.273.120
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(414.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.258.234.281	15.313.060.385
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	247.150.000
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	87.799.519
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	1.334.949.519
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	21.452.434.643
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.272.000.000)	(38.284.599.469)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.272.000.000)	(16.832.164.826)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.986.234.281	(184.154.922)
Tiền đầu năm	60	321.477.374	505.632.296
Tiền cuối năm	70	2.307.711.655	321.477.374



Phạm Tiến Thành
Người lập biểu

Bùi Sỹ Ân
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thao
Giám đốc

Ngày 25 tháng 05 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15 (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1554/QĐ-BXD ngày 04 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng số 15 - Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam) thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 15. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202001081 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 10 năm 2004, thay đổi lần thứ 8 ngày 22 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 là 100.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 53, đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 17 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 90 người).

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nhận thầu xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, và các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện. Lắp đặt điện nước và trang trí nội thất;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng: bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, dụng cụ xây dựng: cốp pha, giàn giáo;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị;
- Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm công nghệ xây dựng: thiết bị tự động hóa, dây chuyền sản xuất đồng bộ hoặc từng phần;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, kinh doanh phát triển nhà ở và các tổ hợp nhà cao tầng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong năm 2014, Công ty tiếp tục phát sinh lỗ từ hoạt động kinh doanh, lỗ phát sinh trong năm 2014 là 29.128.176.341 VND (năm 2013: 60.655.856.450 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, lỗ lũy kế là 97.538.758.926 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 68.410.582.585 VND). Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khoản vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn, số dư các khoản vay và phải trả quá hạn chưa được thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 114.000.229.658 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 110.264.976.010 VND); các khoản nợ thuế đã ghi nhận trên báo cáo tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 45.444.316.387 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 46.523.556.003 VND) cũng như các khoản nợ và phạt thuế phải nộp bổ sung như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 chưa được hạch toán, ghi nhận tăng khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với tổng số tiền khoảng 55 tỷ VND. Các yếu tố nêu trên dẫn đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Công ty đã có kế hoạch thảo luận với các ngân hàng để giãn nợ, cơ cấu lại các khoản nợ, đồng thời tinh giản bộ máy quản lý để cắt giảm tiết kiệm chi phí hoạt động. Tuy nhiên, trong năm 2014, các ngân hàng không tiếp tục cho Công ty vay. Mặc dù vậy, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam ("Tổng Công ty") vẫn trợ giúp Công ty về công việc, xử lý các khoản công nợ tồn đọng giữa Công ty với các đơn vị trong nội bộ Tổng Công ty và thực hiện quyết toán một số công trình. Công ty chưa có được cam kết hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và chưa có nguồn tạo tiền khả thi để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Ban Giám đốc đang đánh giá một cách thận trọng để xem liệu Công ty có thể tạo ra hoặc huy động đủ nguồn vốn lưu động để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn hay không. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của các kết quả phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cơ sở lập báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khác

Phải thu khác bao gồm chủ yếu là khoản phải thu các đội thi công liên quan các chi phí thực hiện công trình vượt quá mức khoán đã được thỏa thuận.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu mà Công ty xác định là không có khả năng thu hồi trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014 Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	12 - 15
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản tiền ứng cho các đội thi công để thực hiện các công trình xây lắp theo hợp đồng khoán giữa Công ty và các đội thi công.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư, thiết bị phục vụ thi công các công trình, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong vòng 2 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị được ghi nhận căn cứ vào số ngày cho thuê và biên bản xác nhận với khách hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 97.538.758.926 VND, khoản lỗ cho mục đích chuyển lỗ này sẽ được xác định phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế và có thể được dùng để bù trừ với các khoản lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ban Giám đốc đang xem xét và đánh giá ảnh hưởng trong việc tuân thủ các quy định của Luật Quản lý thuế tới báo cáo tài chính của Công ty. Quyết định cuối cùng về việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty tùy thuộc vào Thông báo và Kết quả thanh kiểm tra của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	293.350.251	103.875.804
Tiền gửi ngân hàng	2.014.361.404	217.601.570
	<u>2.307.711.655</u>	<u>321.477.374</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Đông Hải Phòng với số dư 1.641.348.511 VND đã bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan thuế.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Bên liên quan (xem Thuyết minh số 27)	9.410.191.611	10.395.527.474
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	8.849.412.348	10.049.412.348
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	347.902.864	133.238.727
Công ty TNHH Quốc tế liên doanh Vinaconex Taisei	212.876.399	212.876.399
Đối tượng khác	99.588.871.199	102.494.518.399
Công ty Thương mại Đầu tư Phát triển Đô thị Hải Phòng	34.997.927.000	34.997.927.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	542.254.434	687.309.944
Trường Đại học Điện lực	8.755.272.028	8.755.272.028
Công ty Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Thương mại (BMC)	7.422.844.323	10.022.844.323
Nhà in báo nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	7.604.360.435	7.704.360.435
Công ty Cổ phần HAPACO	1.551.544.600	1.551.544.600
Khác	38.714.668.379	38.775.260.069
	<u>108.999.062.810</u>	<u>112.890.045.873</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư các khoản phải thu đã tồn đọng trên 1 năm có giá trị khoảng 109 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 113 tỷ VND). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này với số dư dự phòng đã trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1,6 tỷ VND). Hiện tại, Công ty đang trong quá trình đánh giá để có thể xác định liệu có hay không cần phải trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản phải thu chưa được trích lập dự phòng đầy đủ với tổng giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 107,4 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu các đội thi công	32.612.907.186	37.639.727.897
Các khoản phải thu khác	2.785.169.021	2.763.009.418
	<u>35.398.076.207</u>	<u>40.402.737.315</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư các khoản phải thu đã tồn đọng trên 1 năm có giá trị khoảng 32,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 37,6 tỷ VND). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này với số dư dự phòng đã trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 23,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21,8 tỷ VND). Hiện tại, Công ty đang trong quá trình đánh giá để có thể xác định liệu có hay không cần phải trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản phải thu khác chưa được trích lập dự phòng đầy đủ với tổng giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 9,3 tỷ VND.

8. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho phản ánh giá trị các công trình, hạng mục công trình dở dang đang được thực hiện với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 96.296.413.331 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 95.865.293.299 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư các công trình tồn đọng trên 1 năm, có thể do chậm nghiệm thu, chậm quyết toán hoặc đã dừng thi công, có giá trị khoảng 95,2 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 95,8 tỷ VND). Ngoài ra, giá trị còn lại của một số công trình có số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại 31 tháng 12 năm 2014 lớn hơn giá trị hợp đồng còn lại với tổng số là 31,6 tỷ VND.

Hiện tại, Công ty đang trong quá trình đánh giá để có thể xác định liệu có hay không cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với các công trình nêu trên.

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng cho các đội thi công và cán bộ công nhân viên	62.685.774.307	62.834.776.874
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	293.510.028	293.510.028
	<u>62.979.284.335</u>	<u>63.128.286.902</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư các khoản tạm ứng đã tồn đọng trên 1 năm có giá trị khoảng 62,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 62,8 tỷ VND). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản tạm ứng này với số dư dự phòng đã trích lập tại 31 tháng 12 năm 2014 là 39,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 30,5 tỷ VND). Hiện tại, Công ty đang trong quá trình đánh giá để có thể xác định liệu có hay không cần phải trích lập dự phòng bổ sung nữa cho các khoản tạm ứng chưa được trích lập dự phòng đầy đủ với tổng giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 23 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 - VINACONEX 1553 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền
Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	4.241.866.585	15.797.482.857	1.730.945.017	18.946.221.703	40.716.516.162
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	4.241.866.585	15.797.482.857	1.730.945.017	18.946.221.703	40.716.516.162
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	1.479.895.396	8.714.834.210	1.691.723.114	15.582.370.310	27.468.823.030
Trích khấu hao	216.882.932	1.286.591.601	39.221.903	921.936.103	2.464.632.539
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	1.696.778.328	10.001.425.811	1.730.945.017	16.504.306.413	29.933.455.569
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	2.545.088.257	5.796.057.046	-	2.441.915.290	10.783.060.593
Tại ngày 31/12/2013	2.761.971.189	7.082.648.647	39.221.903	3.363.851.393	13.247.693.132

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 15.494.820.186 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 13.199.865.990 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 17, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 8.421.949.492 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 13.159.090.355 VND) để đảm bảo cho các khoản vay.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần VIPACO	510.000	4.250.000.000	510.000	4.250.000.000
	510.000	4.250.000.000	510.000	4.250.000.000

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần VIPACO	Số 34, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	17	17	Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì

Mặc dù, Công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết nhưng Công ty có ảnh hưởng quan trọng trong việc bổ nhiệm các thành viên Ban Giám đốc của công ty này nên khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần VIPACO được ghi nhận là đầu tư vào công ty liên kết. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp 510.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần VIPACO để đảm bảo cho khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Số đầu năm	103.672.201	138.338.475
Tăng trong năm	-	128.411.301
Phân bổ vào chi phí trong năm	50.054.963	163.077.575
Số cuối năm	<u>53.617.238</u>	<u>103.672.201</u>

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng (i)	37.157.366.703	37.962.366.703
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (ii)	38.057.906.014	38.057.906.014
Vay cá nhân (iii)	19.024.626.000	19.491.626.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	4.691.000.000	-
	<u>98.930.898.717</u>	<u>95.511.898.717</u>

Chi tiết vay và nợ ngắn hạn như sau:

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng theo Phụ lục sửa đổi Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số 203075/2013/HĐ ngày 14 tháng 10 năm 2013 với mức dư nợ tối đa là 40 tỷ VND với mục đích để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay được quy định tại từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Hạn mức tín dụng được cấp cho đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2014. Lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn (xác định tại từng hợp đồng tín dụng cụ thể) được áp dụng đối với phần dư nợ gốc mà Bên vay không thanh toán đúng hạn và Bên vay sẽ chịu tiền phạt đối với lãi chậm trả khi đến hạn theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm phát sinh chậm trả lãi. Lãi vay được trả hàng tháng trên cơ sở nguồn thu của Bên vay và số dư tiền gửi tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác (nếu có). Hình thức bảo đảm của các khoản vay là các tài sản cố định của Công ty (Thuyết minh số 10) và các hợp đồng thế chấp bất động sản, hợp đồng thế chấp bằng tài sản bên thứ ba và các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của một số cá nhân.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel bao gồm hai (2) hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 24011/TDHM-V15 ngày 24 tháng 10 năm 2011 với mức dư nợ tối đa là 50 tỷ VND. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi của Bên cho vay theo từng thời kỳ và được điều chỉnh một hoặc ba tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng 510.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần VIPACO (Thuyết minh số 11). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư gốc vay phải trả là 35.319.335.373 VND và đã quá hạn thanh toán.
 - Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 18/2010/TDHM-VC15 ngày 27 tháng 9 năm 2010 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi của Bên cho vay theo từng thời kỳ và được điều chỉnh một hoặc ba tháng/lần. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư gốc vay phải trả là 2.738.570.641 VND và đã quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 - VINACONEX 1553 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền
Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (iii) Các khoản vay cá nhân với lãi suất 0% và 18%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn thanh toán 1 năm. Một số khoản vay từ bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 27. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	16.761.779.880	17.875.235.496
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.510.577.172	13.610.577.172
Thuế thu nhập cá nhân	147.120.154	147.120.154
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	499.767.000	365.551.000
Các loại thuế khác (i)	14.525.072.181	14.525.072.181
	<u>45.444.316.387</u>	<u>46.523.556.003</u>

(i) Gồm 14.468.596.000 VND là khoản phải trả cho Chi Cục thuế quận Đồ Sơn liên quan đến quyền sử dụng đất của dự án Vụng Hương, Đồ Sơn, Hải Phòng. Trong năm 2014, Chi Cục thuế quận Đồ Sơn, Cục thuế Thành phố Hải Phòng và Cục thuế Thành phố Hà Nội đã gửi các Thông báo tiền chậm nộp và tiền phạt chậm nộp thuế với tổng số tiền cần phải nộp thêm khoảng 55 tỷ VND, chi tiết nội dung cụ thể như sau:

- Thông báo số 04/TB-CCT ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Chi Cục thuế quận Đồ Sơn: Tổng số tiền thuế, tiền chậm nộp thuế chưa nộp đủ tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 51.676.471.098 VND, theo đó, Công ty cần theo dõi khoản phải nộp bổ sung là 37.203.353.848 VND;

- Thông báo số 650/TB07-CT-QLN ngày 23 tháng 01 năm 2015 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng: Tổng số tiền thuế và phạt chậm nộp tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2014 là 32.400.916.600 VND, theo đó, Công ty cần theo dõi khoản phải nộp bổ sung là 1.264.238.628 VND;

- Thông báo số 20148076/TB07-CT ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Cục thuế Thành phố Hà Nội: Tổng số tiền thuế và tiền chậm nộp tính đến 31 tháng 10 năm 2014 là 30.881.330.169 VND, theo đó, Công ty cần theo dõi khoản phải nộp bổ sung là 16.573.691.643 VND;

Tuy nhiên, Công ty đang thực hiện tính toán lại và làm việc với các cơ quan thuế về các khoản tiền chậm nộp và phạt chậm nộp này, do đó, Công ty chưa hạch toán và ghi nhận vào báo cáo tài chính năm 2014.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.648.618.819	20.915.746.725
Chi phí khác	11.411.353.065	2.892.563.829
	<u>39.059.971.884</u>	<u>23.808.310.554</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải trả các đội xây dựng	1.405.653.474	6.108.723.002
Kinh phí công đoàn	233.418.121	233.418.121
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	5.035.203.612	4.703.215.588
Cổ tức	6.148.716.000	6.148.716.000
Khác	220.816.730	553.176.354
	<u>13.043.807.937</u>	<u>17.747.249.065</u>

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng (i)	4.691.000.000	4.691.000.000
	<u>4.691.000.000</u>	<u>4.691.000.000</u>

(i) Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng với mục đích mua sắm tài sản, theo các hợp đồng sau:

Số Hợp đồng vay	Lãi suất vay (%)	Thời hạn vay (tháng)	Số dư nợ gốc (VND)		Nợ gốc phải trả trong vòng 1 năm (VND)	Phương thức đảm bảo khoản vay
			31/12/2013	31/12/2014		
1308/2009/HĐ	15,0%	45	781.000.000	781.000.000	781.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
203075.001/2012/HĐ	15,0%	42	3.910.000.000	3.910.000.000	3.910.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
			<u>4.691.000.000</u>	<u>4.691.000.000</u>	<u>4.691.000.000</u>	

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.691.000.000	-
Trong năm thứ hai	-	4.691.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	-
Sau năm năm	-	-
	<u>4.691.000.000</u>	<u>4.691.000.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	4.691.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>-</u>	<u>4.691.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	100.000.000.000	5.088.870.000	12.795.123.070	2.852.658.323	208.200.185	(7.754.726.135)	113.190.125.443					
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	(60.655.856.450)	(60.655.856.450)					
Tại ngày 01/01/2014	100.000.000.000	5.088.870.000	12.795.123.070	2.852.658.323	208.200.185	(68.410.582.585)	52.534.268.993					
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	(29.128.176.341)	(29.128.176.341)					
Tại ngày 31/12/2014	100.000.000.000	5.088.870.000	12.795.123.070	2.852.658.323	208.200.185	(97.538.758.926)	23.406.092.652					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 22 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2014	31/12/2013
			VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX)	51.000.000.000	51	51.000.000.000	51.000.000.000
Các cổ đông khác	49.000.000.000	49	49.000.000.000	49.000.000.000
	100.000.000.000	100	100.000.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 20 và số 21.

Các công trình của Công ty chủ yếu được thi công trên địa bàn thành phố Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh phía Bắc.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp và kinh doanh bất động sản	-	1.247.278.124
Doanh thu cho thuê máy móc, thiết bị	764.979.736	792.330.455
	764.979.736	2.039.608.579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp và kinh doanh bất động sản	-	7.730.278.582
Giá vốn hoạt động cho thuê máy móc, thiết bị	-	2.171.937.515
	<u>-</u>	<u>9.902.216.097</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.858.023	5.022.931.238
Chi phí nhân công	1.311.556.325	5.024.508.358
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.464.632.539	2.608.672.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác (i)	9.001.267.896	55.529.711.617
	<u>12.979.314.783</u>	<u>68.185.823.510</u>

(i) Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bao gồm khoản trích lập chi phí dự phòng phải thu khó đòi và các chi phí mua ngoài khác.

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.871.130	4.799.519
Doanh thu hoạt động tài chính khác (i)	-	14.967.540.098
	<u>7.871.130</u>	<u>14.972.339.617</u>

(i) Doanh thu hoạt động tài chính khác năm 2013 phản ánh số tiền lãi vay tính cho các tổ, đội thi công trên cơ sở vốn Công ty ứng cho các đối tượng này. Năm 2014 Công ty đánh giá không thu hồi được các khoản này nên không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và phải thu tổ đội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Trong năm không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do Công ty không phát sinh thu nhập chịu thuế.

25. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
(Lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(29.128.176.341)	(60.655.856.450)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(2.913)	(6.066)

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 17, trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Các khoản vay	98.930.898.717	100.202.898.717
Trừ: Tiền	2.307.711.655	321.477.374
Nợ thuần	96.623.187.062	99.881.421.343
Vốn chủ sở hữu	23.406.092.652	52.534.268.993
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	4,13	1,90

Ban Giám đốc đánh giá rằng hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty phù hợp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp xây dựng. Ban Giám đốc cam kết rằng hệ số đòn bẩy tài chính này sẽ không làm mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Các khoản vay bao gồm vay ngắn hạn và vay dài hạn, được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 13 và 17.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	2.307.711.655	321.477.374
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.802.162.173	99.220.003.228
Tài sản tài chính khác	293.510.028	293.510.028
Tổng cộng	82.403.383.856	99.834.990.630
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	98.930.898.717	100.202.898.717
Phải trả người bán và phải trả khác	21.438.863.671	21.454.969.647
Chi phí phải trả	39.059.971.884	23.808.310.554
Tổng cộng	159.429.734.272	145.466.178.918

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban Giám đốc đánh giá chi phí bỏ ra để thực hiện phòng ngừa rủi ro có thể cao hơn các chi phí tiềm tàng có liên quan.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 752.152.727 VND (năm 2013: 760.202.727 VND).

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(752.152.727)
VND	-200	752.152.727
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	+200	(760.202.727)
VND	-200	760.202.727

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng do khách hàng, đối tác chưa thanh toán các khoản phải thu khi đến hạn như trình bày tại Thuyết minh số 6.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 - VINACONEX 1553 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền
Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền	2.307.711.655	-	2.307.711.655
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.802.162.173	-	79.802.162.173
Tài sản tài chính khác	293.510.028	-	293.510.028
Tổng	82.403.383.856	-	82.403.383.856
31/12/2014			
Các khoản vay	98.930.898.717	-	98.930.898.717
Phải trả người bán và phải trả khác	21.438.863.671	-	21.438.863.671
Chi phí phải trả	39.059.971.884	-	39.059.971.884
Tổng	159.429.734.272	-	159.429.734.272
Chênh lệch thanh khoản thuần	(77.026.350.416)	-	(77.026.350.416)
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền	321.477.374	-	321.477.374
Phải thu khách hàng và phải thu khác	99.220.003.228	-	99.220.003.228
Tài sản tài chính khác	293.510.028	-	293.510.028
Tổng	99.834.990.630	-	99.834.990.630
31/12/2013			
Các khoản vay	95.511.898.717	4.691.000.000	100.202.898.717
Phải trả người bán và phải trả khác	21.454.969.647	-	21.454.969.647
Chi phí phải trả	23.808.310.554	-	23.808.310.554
Tổng	140.775.178.918	4.691.000.000	145.466.178.918
Chênh lệch thanh khoản thuần	(40.940.188.288)	(4.691.000.000)	(45.631.188.288)

Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản do Công ty trong tình trạng thiếu hụt vốn lưu động. Ban Giám đốc đang đánh giá để xem liệu Công ty có thể tạo ra hoặc huy động đủ nguồn vốn lưu động để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn hay không. Xem thêm tại Thuyết minh số 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 - VINACONEX 1553 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền
Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các biên liên quan của Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Quốc tế liên doanh Vinaconex Taisei	Công ty liên doanh công ty mẹ
Ban Quản lý dự án Láng - Hòa Lạc	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần VIMECO	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần VIMECO Cơ khí và Thương mại	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Vinaconex	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel	Công ty liên kết của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	Công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần VIPACO	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên Ban giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	391.323.959
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	-	84.688.935
Vay		
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel	-	1.255.149.038
Công bố chia cổ tức		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	2.550.000.000
Chi trả cổ tức thông qua bù trừ công nợ		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	6.120.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc	24.000.000	704.210.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	8.849.412.348	10.049.412.348
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	347.902.864	133.238.727
Công ty TNHH Quốc tế liên doanh Vinaconex Taisei	212.876.399	212.876.399
Người mua trả tiền trước		
Ban Quản lý dự án Láng - Hòa Lạc	64.833.312	64.833.312
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	63.000.000	63.000.000
Phải trả		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	1.768.078.942	1.782.418.994
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	59.312.000	59.312.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	93.157.828	93.157.828
Công ty Cổ phần VIMECO	7.707.699.632	7.707.699.632
Công ty Cổ phần VIMECO Cơ khí và Thương mại	185.030.396	185.030.396
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	22.648.472	22.648.472
Vay ngắn hạn		
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel	38.057.906.014	38.057.906.014
Ông Nguyễn Hữu Dũng	400.000.000	400.000.000

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động thị trường xây dựng và bất động sản. Những biến động này có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô là khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ ngày 05 tháng 5 năm 2015, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (công ty mẹ của Công ty) đã bán 4.500.000 cổ phần trên tổng số 5.100.000 cổ phần đã nắm giữ trước đó tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 bằng phương thức giao dịch khớp lệnh thỏa thuận tại ngày giao dịch 17 tháng 4 năm 2015, dẫn đến giảm tỷ lệ nắm giữ từ 51% xuống còn 6%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 - VINACONEX 15

53 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền
Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN


Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



Phạm Tiến Thành
Người lập biểu



Bùi Sỹ Ân
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thao
Giám đốc

Ngày 25 tháng 5 năm 2015